

## Table of contents

|                                |       |
|--------------------------------|-------|
| Quick Start Guide .....        | 1-3   |
| 快速入門指南.....                    | 4-6   |
| Hướng dẫn nhanh.....           | 7-9   |
| Panduan Memulai Cepat.....     | 10-12 |
| Краткое руководство.....       | 13-15 |
| دليل البدء السريع .....        | 16-18 |
| Schnellstartanleitung.....     | 19-21 |
| Guide de démarrage rapide..... | 22-24 |
| Guía de inicio rápido.....     | 25-27 |
| Hızlı başlangıç Kılavuzu.....  | 28-30 |

## Before You Begin

### Before You Begin Package Contents

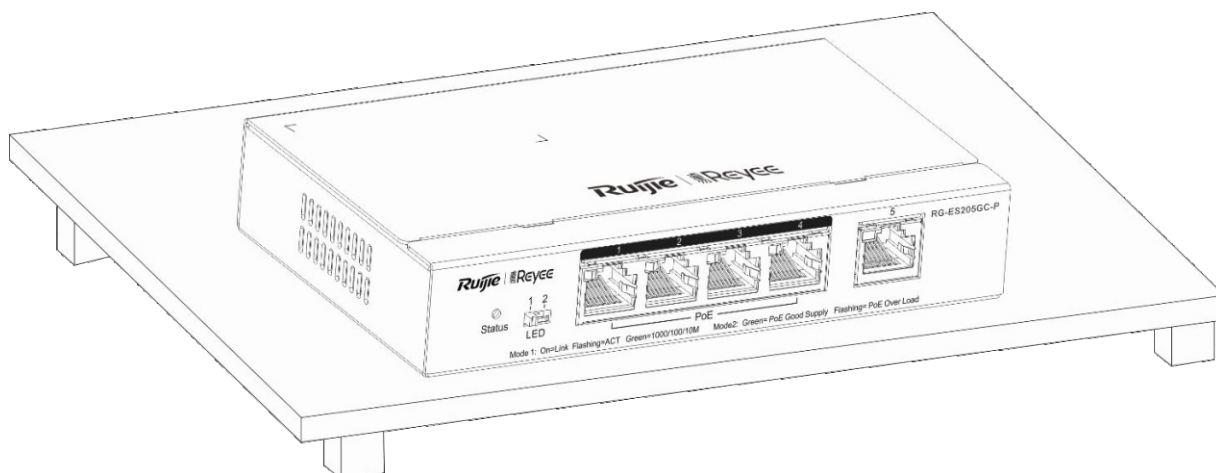
#### Packing List

| Item | Name              | Quanti | Unit  | Remar |
|------|-------------------|--------|-------|-------|
| 1    | RG-ES205GC-P host | 1      | Set   |       |
| 2    | Power Adapter     | 1      | Piece |       |
| 3    | Power Cord        | 1      | Piece |       |
| 4    | Quick Start Guide | 1      | Copy  |       |
| 5    | Warranty Card     | 1      | Copy  |       |

You can retrieve product supporting documents at <https://www.ruijienetworks.com>. Click Support > Technical Documents, and download the documents you need.

## Installation and Networking

Mount the switch on the table, and reserve enough space for air circulation.



## Networking

### Method 1 (Recommended)

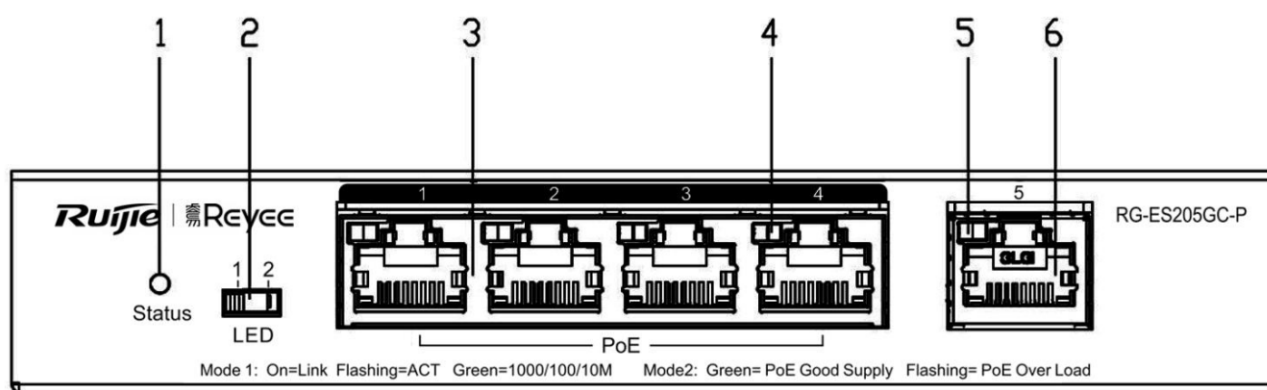
Scan the QR-code on the manual or device to download the App.  
Follow the guide on App to set up and configure the network.



### Method 2

Connect the cable to the device port and visit <http://10.44.77.200> to perform configuration

## Port Information



Note:

1. System status LED
2. Port Mode LED Switch-Over Button
3. 10/100/1000Base-T auto-sensing Ethernet port

4. Copper port status LED
5. Copper port status LED
6. 10/100/1000Base-T auto-sensing Ethernet port

# Specifications

| Specification          |                                  | RG-ES205GC-P                                                                                     |
|------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Standard               |                                  | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                    |
| Port                   | 4*10/100/1000Mbps PoE/PoE+ ports |                                                                                                  |
|                        | 1*10/100/1000 Mbps uplink port   |                                                                                                  |
| Switching Capacity     |                                  | 10 Gbps                                                                                          |
| Power Consumption      |                                  | The overall maximum output power of PoE/PoE+ is 54W.<br>The overall maximum output power is 60W. |
| Dimensions (W x D x H) |                                  | 148 mm x 78 mm x 26 mm                                                                           |
| Operating Environment  | Temperature                      | 0 °C - 40 °C                                                                                     |
|                        | Humidity                         | 10% - 90% RH, non-condensing                                                                     |
| Storage Environment    | Temperature                      | -40 °C - 70 °C                                                                                   |
|                        | Humidity                         | 5% - 95% RH, non-condensing                                                                      |

## CE Warning:

Operation of this equipment in a residential environment could cause radio interference.

# 安裝指南

安裝準備  
包裝配件

## 包裝配件清單

| 項目 | 名稱       | 數量 | 單位 | 備註 |
|----|----------|----|----|----|
| 1  | 主機       | 1  | 台  |    |
| 2  | 電源變壓器    | 1  | 個  |    |
| 3  | 電源線      | 1  | 條  |    |
| 4  | 產品使用說明   | 1  | 本  |    |
| 5  | 網絡產品保養手冊 | 1  | 本  |    |

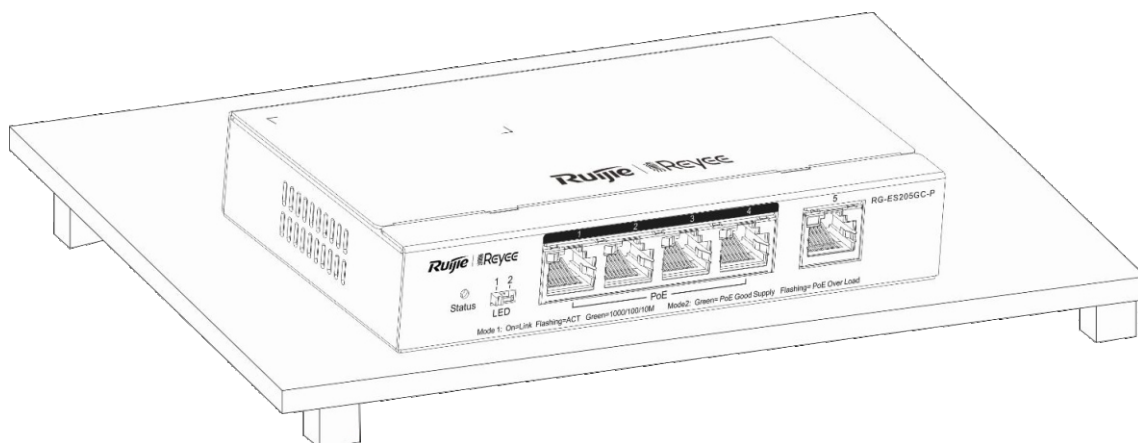
如要下載配件資料請登上銳捷網絡官方網站

<https://www.ruijienetworks.com>，選取對應的產品類別並揀選有關產品，即可下載包裝配件的產品資料。

## 安裝及注意事項

安裝說明

將交換器平放在桌面上以確保四周通風良好，如下圖所示。



## 網絡設定

### 方法 1（推薦）

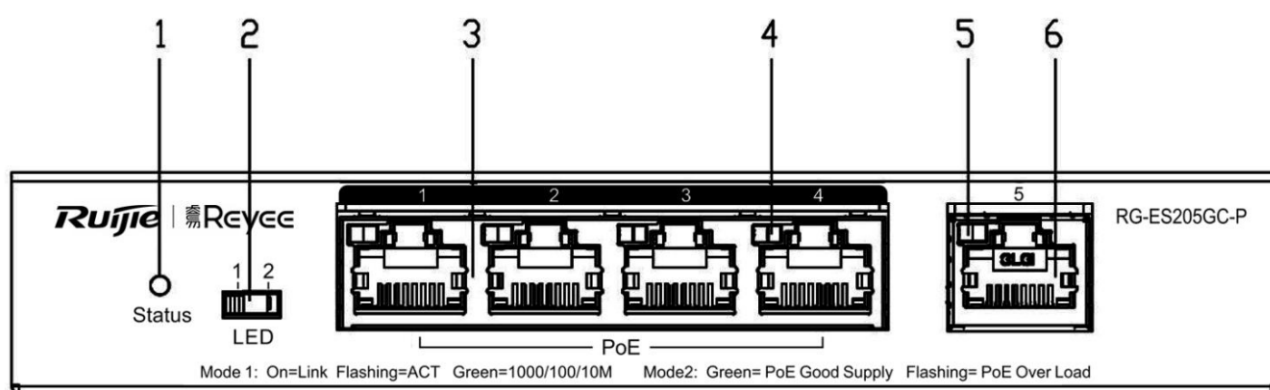
掃描裝置或手冊上的 QR 碼以下載 Ruijie Cloud APP。按照 APP 中指引進行智能組網，快速完成網絡安裝。



### 方法 2

將網絡電線連接到裝置插槽並存取 <http://10.44.77.200>。（推薦使用 Google Chrome）

## 插槽資料



- 注釋：
- |                                 |                                 |
|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. 交換器系統狀態指示燈                   | 4. 連接埠狀態指示燈                     |
| 2. 連接埠 LED 模式切換按鈕               | 5. 連接埠狀態指示燈                     |
| 3. 10/100/1000 Base-T 自適應乙太網連接埠 | 6. 10/100/1000 Base-T 自適應乙太網連接埠 |

# 產品規格

|                 |                              |                                                                               |
|-----------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 型號              |                              | RG-ES205GC-P                                                                  |
| 連接埠標準           |                              | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at |
| 連接埠             | 4*10/100/1000Mbps PoE/PoE+插槽 |                                                                               |
|                 | 1*10/100/1000 Mbps<br>上聯插槽   |                                                                               |
| 交換帶寬            |                              | 10 Gbps                                                                       |
| 功率              |                              | PoE 最大功率≤54 W<br>裝置最大功率≤60W                                                   |
| 外形尺寸（寬 x 深 x 高） |                              | 148 mm*78 mm*26 mm                                                            |
| 工作環境            | 工作溫度                         | 0 °C - 40 °C                                                                  |
|                 | 工作濕度                         | 10% 至 90% RH                                                                  |
| 存儲環境            | 存儲溫度                         | -40 °C - 70 °C                                                                |
|                 | 存儲濕度                         | 5% 至 95% RH                                                                   |

## CE 警告：

在住宅環境中使用本設備可能會造成無線電干擾。

## Trước khi bắt đầu

Trước khi bắt đầu  
Thông tin kiện hàng

### Danh sách thiết bị và phụ kiện

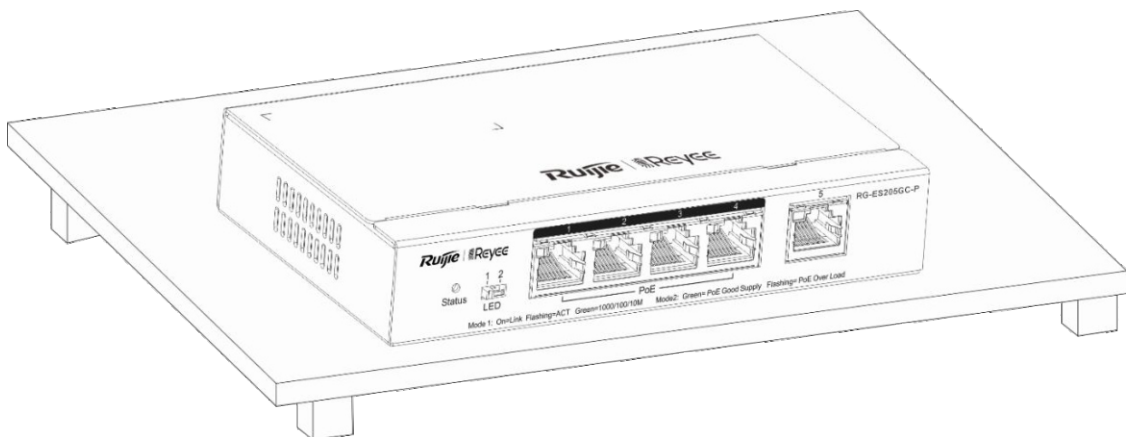
| Mục | Tên                     | Số lượng | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------|--------|---------|
| 1   | RG-ES205GC-P host       | 1        | Bộ     |         |
| 2   | Bộ đổi nguồn            | 1        | Chiếc  |         |
| 3   | Dây nguồn               | 1        | Chiếc  |         |
| 4   | Hướng dẫn bắt đầu nhanh | 1        | Bản    |         |
| 5   | Thẻ bảo hành            | 1        | Bản    |         |

Tiếng Việt

Bạn có thể truy xuất tài liệu hỗ trợ sản phẩm tại <https://www.ruijienetworks.com>. Nhấp vào Support > Technical Documents, và tải xuống tài liệu cần thiết.

## Lắp đặt và nối mạng

Đặt switch trên bàn, dành khoảng trống cần thiết để không khí lưu thông.



## Nối mạng

### Phương pháp 1 (Khuyến nghị)

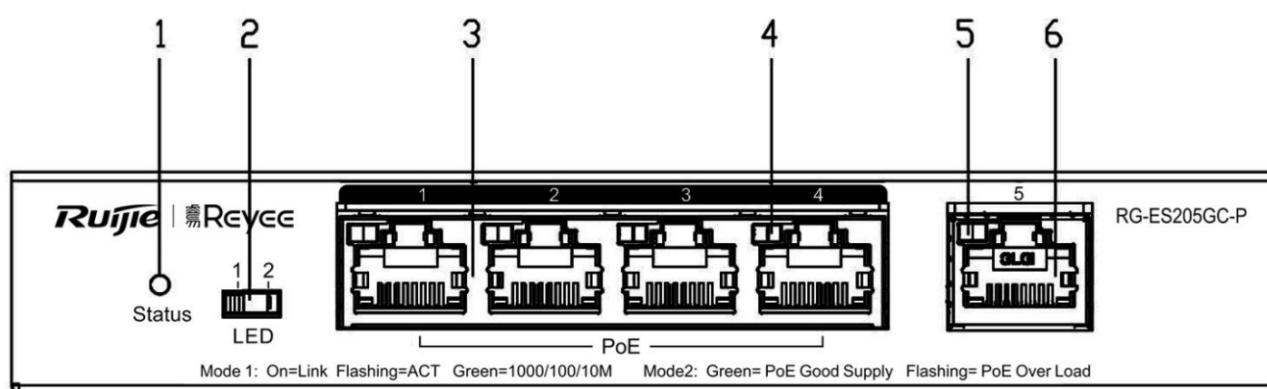
Quét mã QR trên hướng dẫn sử dụng hoặc thiết bị để tải xuống Ứng dụng. Thực hiện theo chỉ dẫn trên Ứng dụng để thiết lập và định cấu hình mạng.



### Phương pháp 2

Nối cáp vào cổng thiết bị và truy cập <http://10.44.77.200> để định cấu hình.

## Thông tin cổng



|            |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chú thích: | <p>1. Đèn LED báo trạng thái hệ thống</p> <p>2. Nút chuyển chế độ đèn LED</p> <p>3. Cổng Ethernet cảm biến tự động 10/100/1000Base-T</p> | <p>4. Đèn LED báo trạng thái cổng đồng</p> <p>5. Đèn LED báo trạng thái cổng đồng</p> <p>6. Cổng Ethernet cảm biến tự động 10/100/1000Base-T</p> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## Thông số kỹ thuật

| Thông số kỹ thuật             |                                  | RG-ES205GC-P                                                                                |
|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiêu chuẩn                    |                                  | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at               |
| Cổng                          | 4 cổng PoE/PoE+ 10/100/1000 Mbps |                                                                                             |
|                               | 1 cổng uplink 10/100/1000 Mbps   |                                                                                             |
| Tốc độ chuyển mạch            |                                  | 10 Gbps                                                                                     |
| Mức tiêu thụ điện             |                                  | Tổng công suất đầu ra tối đa của PoE/PoE+ là 54 W.<br>Tổng công suất đầu ra tối đa là 60 W. |
| Kích thước (Dài x Rộng X Cao) |                                  | 148 mm x 78 mm x 26 mm                                                                      |
| Môi trường hoạt động          | Nhiệt độ                         | 0°C - 40°C                                                                                  |
|                               | Độ ẩm                            | 10% - 90% RH (độ ẩm tương đối), không ngưng tụ                                              |
| Môi trường bảo quản           | Nhiệt độ                         | -40°C - 70°C                                                                                |
|                               | Độ ẩm                            | 5% - 95% RH (độ ẩm tương đối), không ngưng tụ                                               |

### Khuyến cáo CE:

Thiết bị này có thể gây nhiễu sóng vô tuyến khi hoạt động trong môi trường dân cư.

## Sebelum Anda Memulai

Sebelum Anda Memulai  
Isi Paket

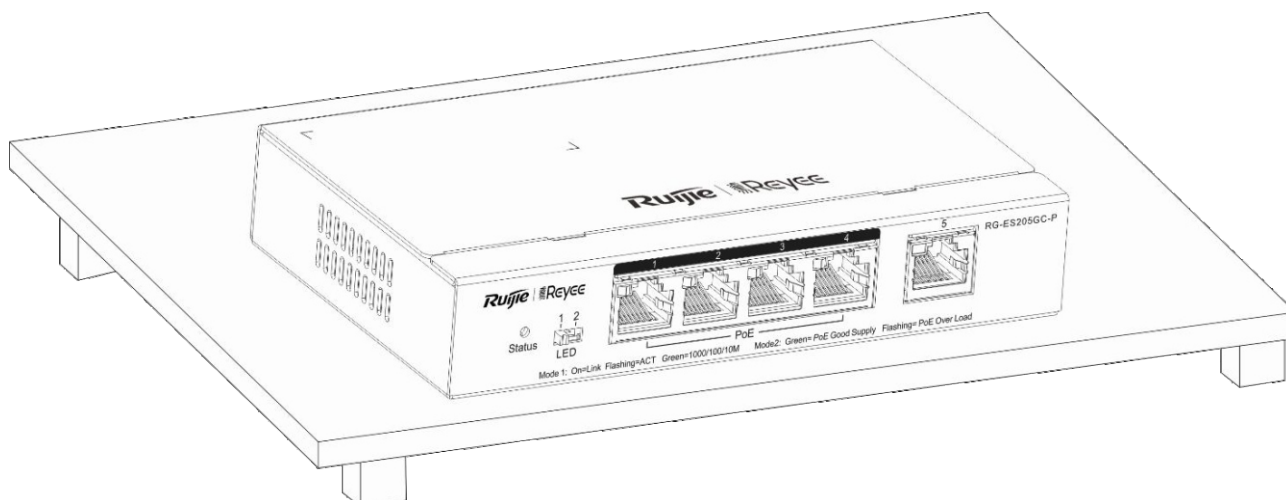
### Isi Paket

| No. | Nama                        | Jumlah | Satuan | Catatan |
|-----|-----------------------------|--------|--------|---------|
| 1   | Unit Perangkat RG-ES205GC-P | 1      | Set    |         |
| 2   | Adaptor Daya                | 1      | Buah   |         |
| 3   | Kabel Daya                  | 1      | Buah   |         |
| 4   | Buku Panduan                | 1      | Salin  |         |
| 5   | Kartu Garansi               | 1      | Salin  |         |

Anda bisa mendapatkan dokumen pendukung produk di halaman <https://www.ruijienetworks.com>. Klik Bantuan > Dokumen Teknis, dan unduh dokumen yang anda butuhkan.

## Instalasi dan Jaringan

Letakkan perangkat switch di atas meja, dan sediakan ruang yang cukup untuk sirkulasi udara.



## Jaringan

### Cara Pertama (Direkomendasikan)

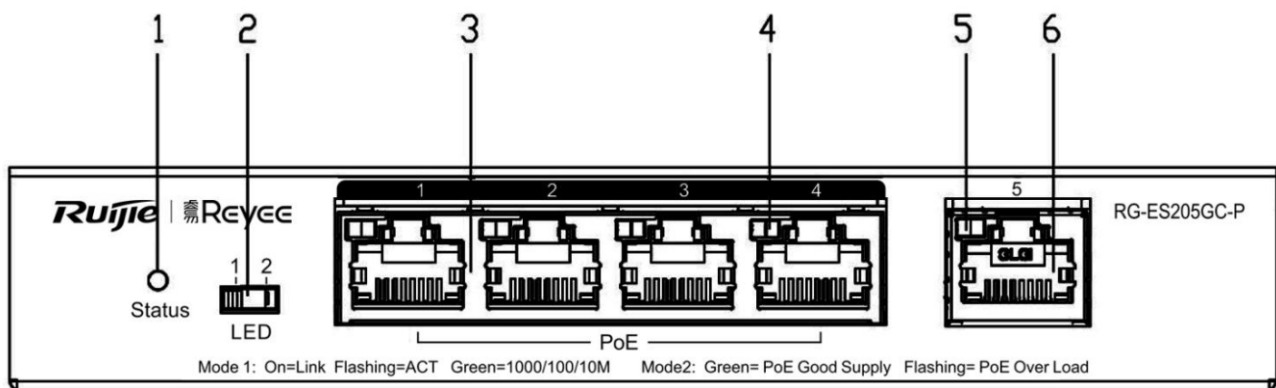
Pindai QR-code pada buku panduan, atau perangkat untuk mengunduh aplikasi. Ikuti panduan pada aplikasi untuk mengatur, dan mengonfigurasi jaringan.



### Cara Kedua

Hubungkan kabel ke port perangkat dan buka <http://10.44.77.200> untuk melakukan konfigurasi.

## Informasi Port



|          |                                                                                                                           |                                                                                                                 |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Catatan: | 1. Status LED Sistem<br>2. Tombol penggantian status mode LED Port<br>3. Port Ethernet 10/100/1000Base-T deteksi otomatis | 4. LED status port tembaga<br>5. LED status port tembaga<br>6. Port Ethernet 10/100/1000Base-T deteksi otomatis |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

# Spesifikasi

| Spesifikasi            |            | RG-ES205GC-P                                                                                              |
|------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Standar                |            | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                             |
| Port                   |            | 4 port PoE/PoE+ 10/100/1000Mbps                                                                           |
|                        |            | 1 port uplink 10/100/1000Mbps                                                                             |
| Kapasitas Switching    |            | 10 Gbps                                                                                                   |
| Konsumsi Daya          |            | Keseluruhan keluaran daya maksimal PoE/PoE+ adalah 54W.<br>Keseluruhan keluaran daya maksimal adalah 60W. |
| Dimensi (P x L x T)    |            | 148 mm x 78 mm x 26 mm                                                                                    |
| Lingkungan Penggunaan  | Suhu       | 0 °C - 40 °C                                                                                              |
|                        | Kelembaban | 10% - 90% RH, tidak berembun                                                                              |
| Lingkungan Penyimpanan | Suhu       | -40 °C - 70 °C                                                                                            |
|                        | Kelembaban | 5% - 95% RH, tidak berembun                                                                               |

## Peringatan CE:

Penggunaan perangkat ini pada kawasan hunian dapat menyebabkan gangguan sinyal radio.

## До начала работы

Перед началом работы проверьте содержание коробки

### Комплектация

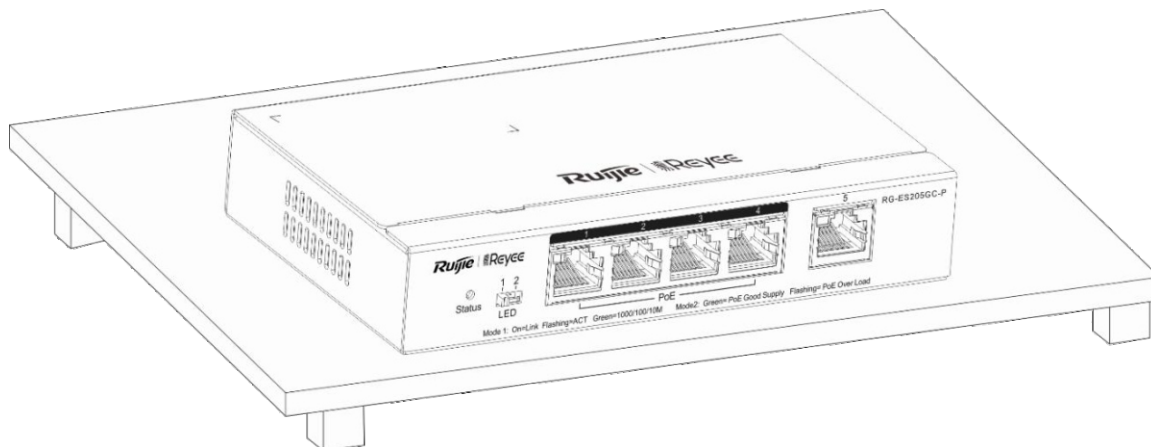
| п/п | Наименование                       | Количество | Единицы измерения | Примечание: |
|-----|------------------------------------|------------|-------------------|-------------|
| 1   | Коммутатор RG-ES205GC-P            | 1          | комплект          |             |
| 2   | Блок питания                       | 1          | шт.               |             |
| 3   | Сетевой шнур                       | 1          | шт.               |             |
| 4   | Краткая инструкция по эксплуатации | 1          | экземпляр         |             |
| 5   | Гарантийный талон                  | 1          | экземпляр         |             |

Сопроводительную документацию по устройству можно получить на сайте <https://www.ruijienetworks.com>. Выберите Support (Поддержка) > Technical Documents (Техническая документация) и загрузите необходимые документы.

Русский

## Монтаж и создание конфигурации сети

Установите коммутатор на ровной поверхности и оставьте достаточно места для циркуляции воздуха.



## Создание конфигурации сети

### 1-й способ (рекомендуемый)

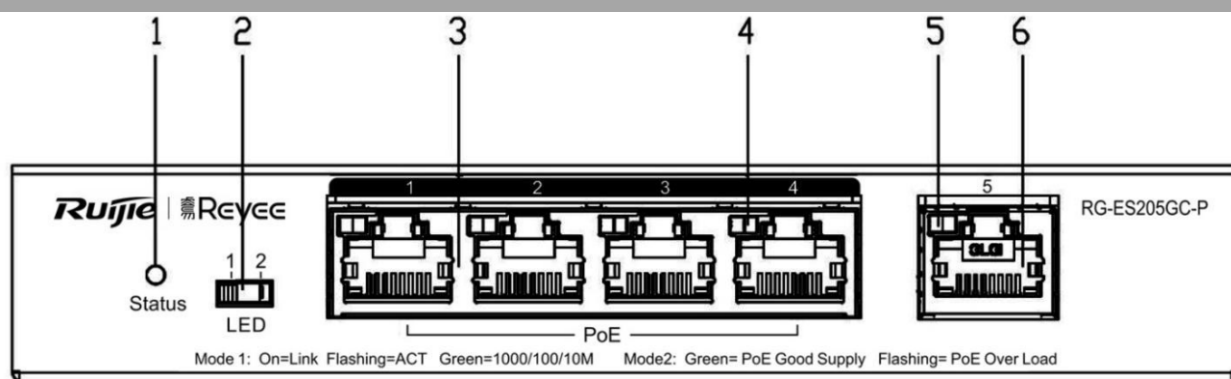
Отсканируйте QR-код в инструкции по эксплуатации или на устройстве для загрузки приложения. Следуйте инструкциям приложения для настройки и конфигурирования сети.



### 2-й способ

Подключите кабель к порту устройства и зайдите на сайт <http://10.44.77.200> для выполнения конфигурации.

## Порты



#### Примечание:

1 - Светодиодный индикатор статуса системы;  
2 - тумблер переключения режимов работы светодиодных индикаторов портов коммутатора;  
3 - Порты Ethernet 10/100/1000Base-T с автоопределением и

4 - Светодиодный индикатор состояния порта;  
5 - Светодиодный индикатор состояния порта  
6 - Порт Ethernet 10/100/1000Base-T с автоопределением

## Характеристики

| Модель                 |             | RG-ES205GC-P                                                                                                              |
|------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Поддержка стандартов   |             | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                                             |
| Порты                  |             | 4 порта PoE/PoE+ 10/100/1000 Мбит/с                                                                                       |
|                        |             | 1 аплинк порт 10/100/1000 Мбит/с                                                                                          |
| Коммутационная ёмкость |             | 10 Гбит/с                                                                                                                 |
| Энергопотребление      |             | Общая максимальная выходная мощность PoE/PoE+ составляет 54 Вт.<br>Общая максимальная выходная мощность составляет 60 Вт. |
| Размеры (Ш x Г x В)    |             | 148 мм x 78 мм x 26 мм                                                                                                    |
| Условия эксплуатации   | Температура | 0 °C - 40 °C                                                                                                              |
|                        | Влажность   | 10% - 90% относительной влажности, без конденсации                                                                        |
| Условия хранения       | Температура | -40 °C - 70 °C                                                                                                            |
|                        | Влажность   | 5% - 95% относительной влажности, без конденсации                                                                         |

**Предупреждение согласно требованиям Совета Европы:**  
Эксплуатация данного устройства в жилых помещениях может вызвать радиопомехи.

## قبل البدء

قبل البدء  
محتويات العبوة

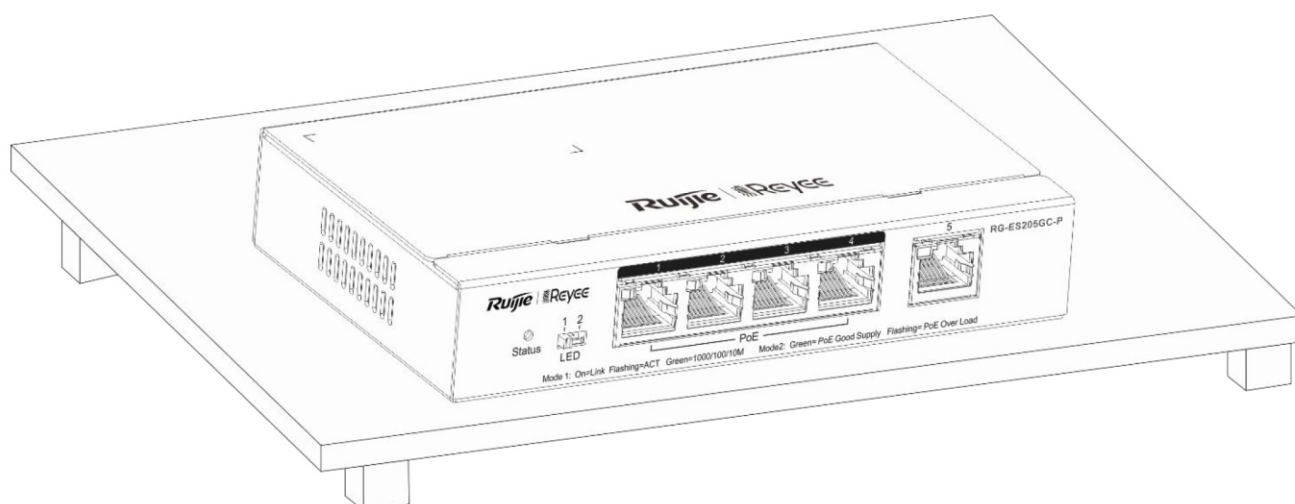
### قائمة محتويات العبوة

| العنصر | الاسم               | الكمية | الوحدة | ملحوظة |
|--------|---------------------|--------|--------|--------|
| 1      | مضيف RG-ES205GC-P   | 1      | مجموعة |        |
| 2      | محوّل الطاقة        | 1      | قطعة   |        |
| 3      | سلك الطاقة          | 1      | قطعة   |        |
| 4      | دليل التشغيل السريع | 1      | نسخة   |        |
| 5      | بطاقة الضمان        | 1      | نسخة   |        |

يُمكنك الحصول على مُستندات الدعم الخاصة بالمنتج على الرابط  
<https://www.ruijienetworks.com>. انقر فوق Support (الدعم) <  
 Technical Documents (المستندات الفنية)، ثم نزل المُستندات التي تحتاج إليها.

## التركيب والربط بالشبكة

ثبّت المبدّل على الطاولة، مع مراعاة توفير مساحة كافية للتهوية



## الربط بالشبكة

### الطريقة 1 (موصى بها)

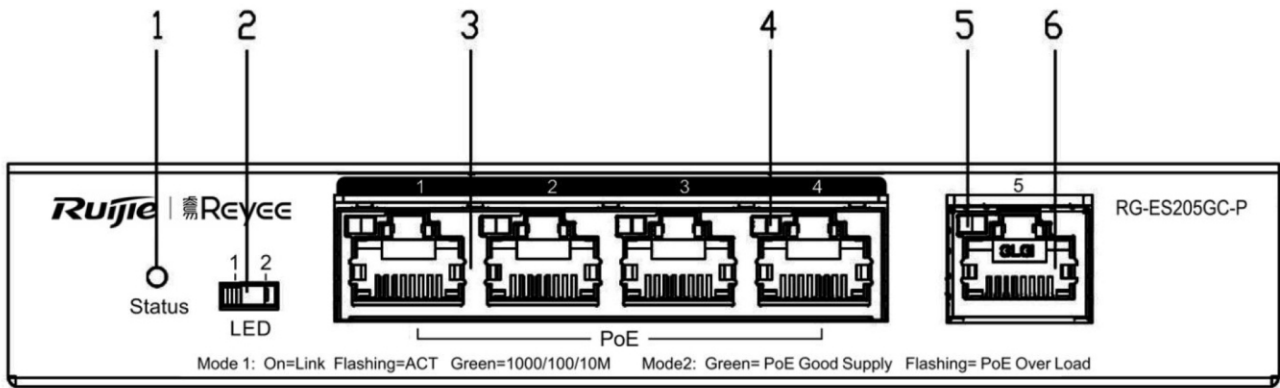
امسح ضوئياً رمز QR المطبوع على الدليل أو على الجهاز، لتنزيل التطبيق. اتبع إرشادات التطبيق لتجهيز وتهيئة الشبكة



### الطريقة 2

صل الكابل بمنفذ الجهاز وانتقل إلى العنوان <http://10.44.77.200> لإتمام التهيئة.

## معلومات المنفذ



### ملاحظة:

1. مؤشر LED لبيان حالة النظام
2. زر تبديل مؤشر LED لوضع المنفذ
3. منفذ الإيثرنت ذاتي الاستشعار وفق المعيار Base-T بسرعة 10/100/1000 ميجابت/ثانية
4. مؤشر LED لبيان حالة المنفذ النحاسي
5. مؤشر LED لبيان حالة المنفذ النحاسي
6. منفذ الإيثرنت ذاتي الاستشعار وفق المعيار Base-T بسرعة 10/100/1000 ميجابت/ثانية

| المواصفة                           |              | RG-ES205GC-P                                                                                           |
|------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| المعيار                            |              | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                          |
| المنفذ                             |              | عدد 4 منافذ PoE/PoE+ بسرعة 10/100/1000 ميجابت/ثانية                                                    |
|                                    |              | عدد 1 منفذ للارتباط بالمستوى الأعلى بسرعة 10/100/1000 ميجابت/ثانية                                     |
| سعة التبديل                        |              | 10 جيجابت/ثانية                                                                                        |
| استهلاك الطاقة                     |              | الحد الأقصى الإجمالي لطاقة خرج منفذ PoE/PoE+ هو 54 واط.<br>الحد الأقصى الإجمالي لطاقة الخرج هو 60 واط. |
| الأبعاد (العرض × العمق × الارتفاع) |              | 148 مم × 78 مم × 26 مم                                                                                 |
| بيئة التشغيل                       | درجة الحرارة | من 0 إلى 40 درجة مئوية                                                                                 |
|                                    | الرطوبة      | من 10% إلى 90% رطوبة نسبية، بدون تكثيف                                                                 |
| بيئة التخزين                       | درجة الحرارة | من -40 إلى 70 درجة مئوية                                                                               |
|                                    | الرطوبة      | من 5% إلى 95% رطوبة نسبية، بدون تكثيف                                                                  |

### تحذير CE:

قد يتسبب تشغيل هذا الجهاز داخل المساكن في التشويش على إشارة الراديو.

## Erste Schritte

### Erste Schritte Packungsinhalt

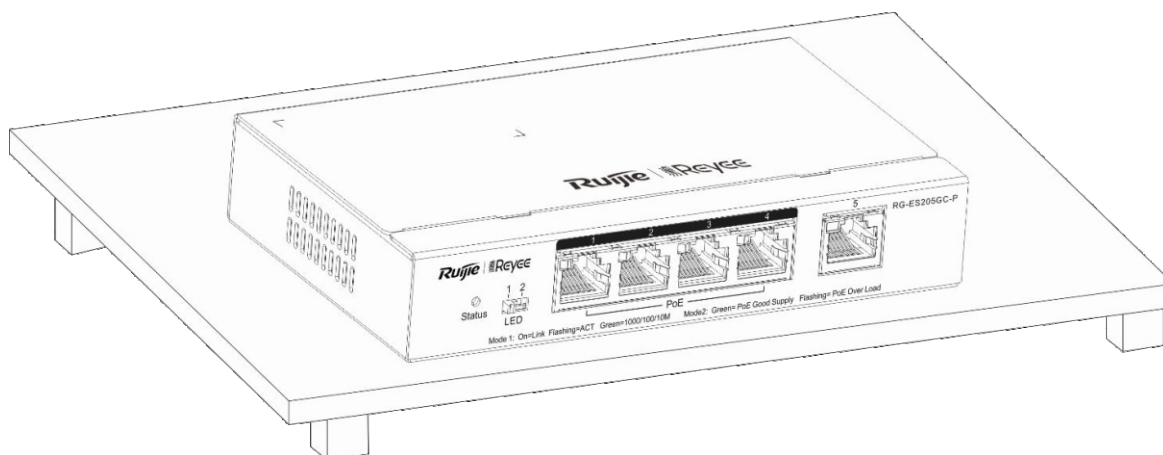
#### Packliste

| Artikel | Name              | Menge | Einheit | Bemerkung |
|---------|-------------------|-------|---------|-----------|
| 1       | RG-ES205GC-P Host | 1     | Gerät   |           |
| 2       | Netzadapter       | 1     | Stück   |           |
| 3       | Netzkabel         | 1     | Stück   |           |
| 4       | Kurzanleitung     | 1     | Kopie   |           |
| 5       | Garantiekarte     | 1     | Kopie   |           |

Produktbegleitende Dokumente können Sie abrufen unter <https://www.ruijienetworks.com>. Klicken Sie auf Support > Technische Dokumente und laden Sie die gewünschten Dokumente herunter.

## Installation und Vernetzung

Montieren Sie den Switch auf dem Tisch, und lassen Sie ausreichend Freiraum für die Luftzirkulation.



## Vernetzung

### Methode 1 (empfohlen)

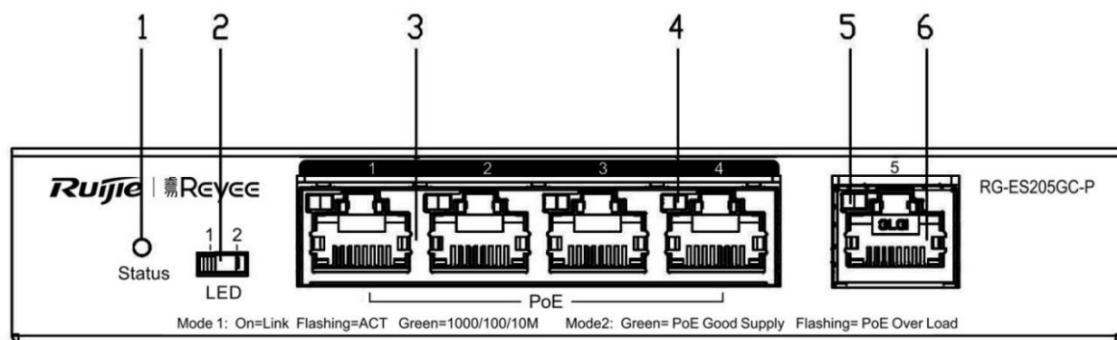
Scannen Sie den QR-Code auf dem Handbuch oder Gerät, um die App herunterzuladen. Folgen Sie der Anleitung zur App, um das Netzwerk einzurichten und zu konfigurieren.



### Methode 2

Schließen Sie das Kabel an den Geräteanschluss an und besuchen Sie <http://10.44.77.200>, um die Konfiguration durchzuführen.

## Informationen zum Anschluss



|          |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hinweis: | <p>1. Systemstatus-LED</p> <p>2. Anschlussmodus LED-Umschalttaste</p> <p>3. 10/100/1000Base-T-Ethernet-Anschluss mit automatischer Erkennung</p> | <p>4. Kupferkabelanschluss Status-LED</p> <p>5. Kupferkabelanschluss Status-LED</p> <p>6. 10/100/1000Base-T-Ethernet-Anschluss mit automatischer Erkennung</p> |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## Spezifikationen

| Spezifikationen         |                  | RG-ES205GC-P                                                                                                                       |
|-------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Standard                |                  | IEEE 802.3, IEEE 802.3u,<br>IEEE 802.3x, IEEE 802.3z,<br>IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                                                |
| Anschluss               |                  | 4*10/100/1000 Mb/s<br>PoE/PoE+-Anschlüsse                                                                                          |
|                         |                  | 1*10/100/1000 Mb/s<br>Uplink-Anschluss                                                                                             |
| Schaltkapazität         |                  | 10 Gb/s                                                                                                                            |
| Leistungsaufnahme       |                  | Die maximale<br>Gesamtausgangsleistung<br>von PoE/PoE+ beträgt<br>54 W.<br>Die maximale<br>Gesamtausgangsleistung<br>beträgt 60 W. |
| Abmessungen (B x T x H) |                  | 148 mm x 78 mm x 26 mm                                                                                                             |
| Nutzungsumgebung        | Temperatur       | 0–40 °C                                                                                                                            |
|                         | Luftfeuchtigkeit | 10–90 % RH, nicht<br>kondensierend                                                                                                 |
| Lagerumgebung           | Temperatur       | -40–70 °C                                                                                                                          |
|                         | Luftfeuchtigkeit | 5–95 % RH, nicht<br>kondensierend                                                                                                  |

### CE-Hinweis:

Der Betrieb dieses Geräts in einer Wohnumgebung könnte Funkstörungen verursachen.

## Avant de commencer

Avant de commencer  
Contenu du paquet

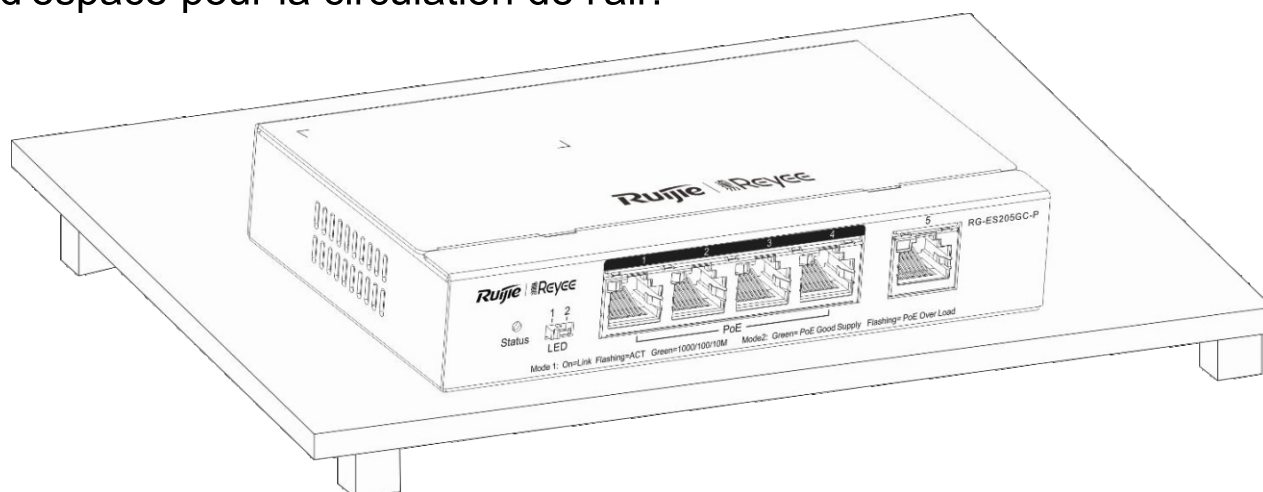
### Liste de colisage

| Élément | Nom                           | Quantité | Unité    | Remarque |
|---------|-------------------------------|----------|----------|----------|
| 1       | RG-ES205GC-P<br>Hôte          | 1        | Ensemble |          |
| 2       | Adaptateur secteur            | 1        | Pièce    |          |
| 3       | Cordon électrique             | 1        | Pièce    |          |
| 4       | Guide d'utilisation<br>rapide | 1        | Copie    |          |
| 5       | Carte de garantie             | 1        | Copie    |          |

Vous pouvez récupérer tous les documents accompagnant les produits sur <https://www.ruijienetworks.com>. Cliquez sur Support > Documents techniques, et téléchargez les documents dont vous avez besoin.

## Installation et mise en réseau

Placez le commutateur sur la table, et réservez suffisamment d'espace pour la circulation de l'air.



## Mise en réseau

### Méthode 1 (recommandée)

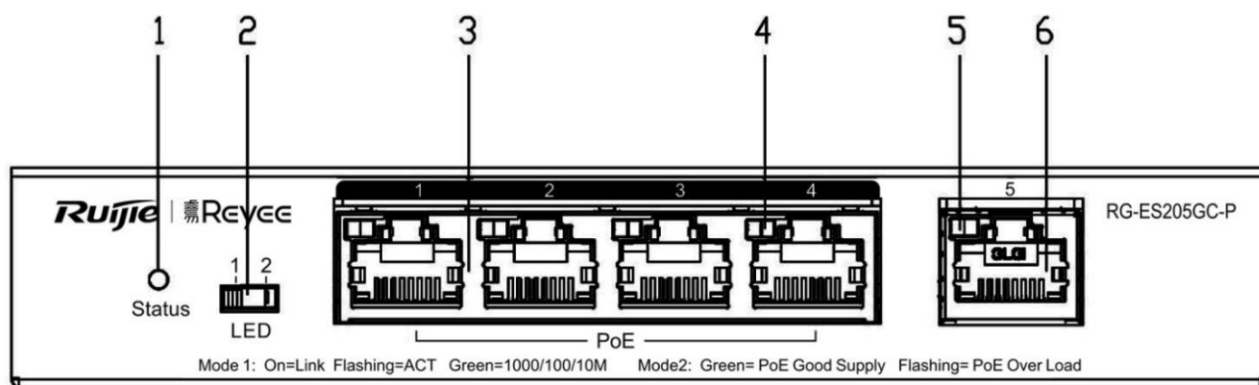
Scannez le code-QR figurant sur le manuel ou l'appareil pour télécharger l'application. Suivez le guide de l'application pour mettre en place et configurer le réseau.



### Méthode 2

Connectez le câble au port de l'appareil et rendez-vous sur <http://10.44.77.200> pour effectuer la configuration.

## Informations sur le port



|        |                                                                                                                                               |                                                                                                                                   |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Note : | 1. DEL d'état du système<br>2. Bouton de commutation de la DEL de mode du port<br>3. Port Ethernet 10/100/1000 Base-T à détection automatique | 4. DEL d'état du port en cuivre<br>5. DEL d'état du port en cuivre<br>6. Port Ethernet 10/100/1000 Base-T à détection automatique |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## Spécifications

| Spécifications               |             | RG-ES205GC-P                                                                                                             |
|------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Standard                     |             | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                                            |
| Port                         |             | 4 x Ports PoE/PoE +10/100/1000 Mbps                                                                                      |
|                              |             | 1 x Port montant à 10/100/1000 Mbps                                                                                      |
| Capacité de commutation      |             | 10 Gbps                                                                                                                  |
| Consommation d'énergie       |             | La puissance de sortie maximale globale du PoE/PoE+ est de 54 W.<br>La puissance de sortie maximale globale est de 60 W. |
| Dimensions (l x P x H)       |             | 148 x 78 x 26 mm                                                                                                         |
| Environnement d'exploitation | Température | 0 à 40 °C                                                                                                                |
|                              | Humidité    | 10 à 90 % de HR, hors condensation                                                                                       |
| Environnement de stockage    | Température | -40 à 70 °C                                                                                                              |
|                              | Humidité    | 5 à 95 % de HR, hors condensation                                                                                        |

### Avertissement CE :

L'utilisation de cet équipement dans un environnement résidentiel peut provoquer des interférences radio.

## Antes de empezar

### Antes de empezar Contenido del paquete

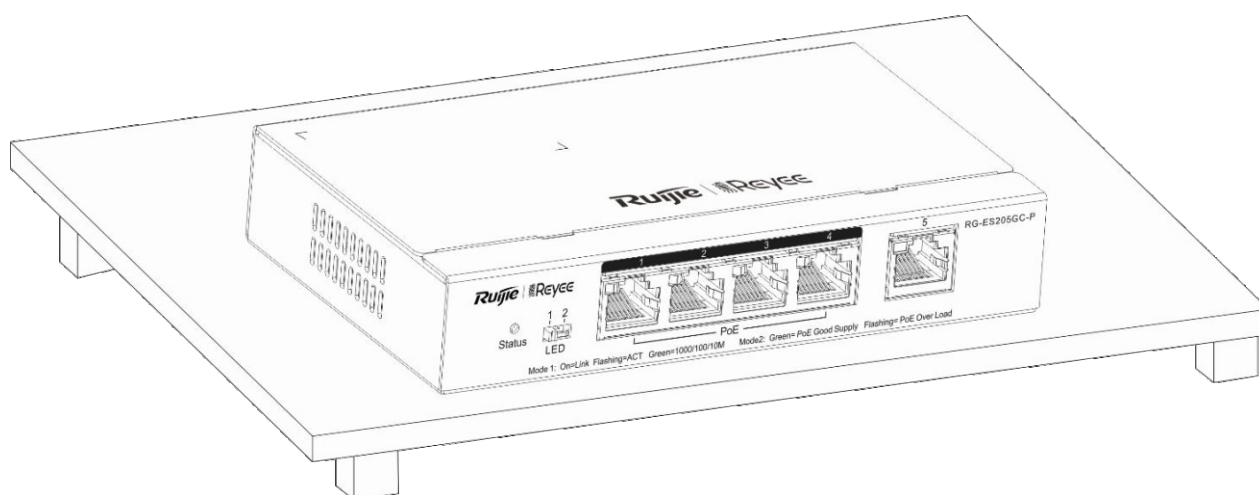
#### Lista de contenido

| Elemento | Nombre                 | Cantidad | Unidad   | Observación |
|----------|------------------------|----------|----------|-------------|
| 1        | Switch<br>RG-ES205GC-P | 1        | Conjunto |             |
| 2        | Adaptador de corriente | 1        | Pieza    |             |
| 3        | Cable de alimentación  | 1        | Pieza    |             |
| 4        | Guía de inicio rápido  | 1        | Copia    |             |
| 5        | Tarjeta de garantía    | 1        | Copia    |             |

Puede obtener los documentos de soporte del producto en <https://www.ruijienetworks.com>. Haga clic en Soporte > Documentos técnicos y descargue los documentos que necesite.

## Instalación y redes

Instale el conmutador en un estante, y reserve espacio suficiente para permitir la circulación del aire.



## Redes

### Método 1 (recomendado)

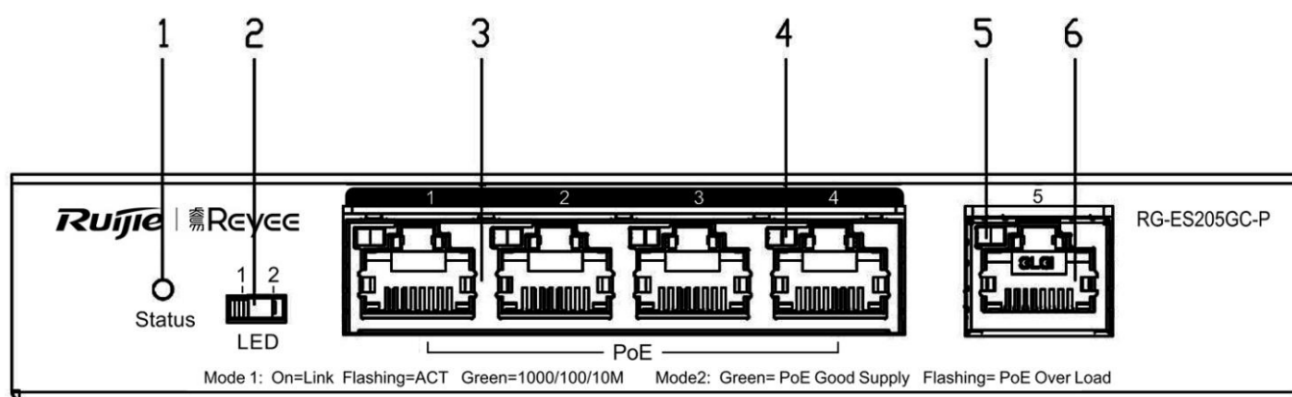
Escanee el código QR en el manual o el dispositivo para descargar la aplicación. Siga la guía de la aplicación para instalar y configurar la red.



### Método 2

Conecte el cable al puerto del dispositivo y visite <http://10.44.77.200> para realizar la configuración.

## Información del puerto



|       |                                                               |                                                               |
|-------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Nota: | 1. LED de estado del sistema                                  | 4. LED de estado del puerto de cobre                          |
|       | 2. LED de modo de puerto Botón de conmutación                 | 5. LED de estado del puerto de cobre                          |
|       | 3. Puerto Ethernet de detección automática 10/100/1000Base-T. | 6. Puerto Ethernet de detección automática 10/100/1000Base-T. |

# Especificaciones

| Especificación                |             | RG-ES205GC-P                                                                                                |
|-------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Norma                         |             | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                               |
| Puerto                        |             | 4 Puertos PoE/PoE+ de 10/100/1000 Mbps                                                                      |
|                               |             | 1 Puerto de enlace ascendente de 10/100/1000 Mbps                                                           |
| Capacidad de conmutación      |             | 10 Gbps                                                                                                     |
| Consumo de energía            |             | La potencia máxima de salida total de PoE/PoE+ es de 54W.<br>La potencia de salida máxima total es de 60 W. |
| Dimensiones (An. x Pr. x Al.) |             | 148 mm x 78 mm x 26 mm                                                                                      |
| Entorno operativo             | Temperatura | Entre 0 °C y 40 °C.                                                                                         |
|                               | Humedad     | Humedad relativa entre 10% y 90%, sin condensación                                                          |
| Entorno de almacenamiento     | Temperatura | Entre -40 °C y 70 °C.                                                                                       |
|                               | Humedad     | Humedad relativa entre 5% y 95%, sin condensación                                                           |

## Advertencia CE:

El funcionamiento de este equipo en un entorno doméstico puede provocar interferencias de radio.

## Başlamadan Önce

### Başlamadan Önce Paket İçeriği

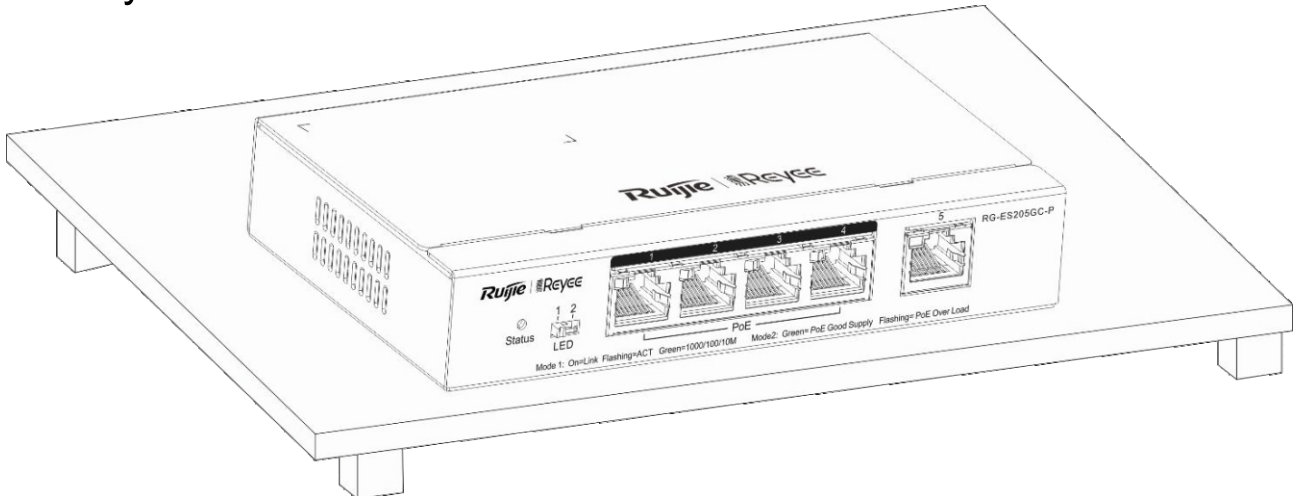
#### Paket İçeriği Listesi

| Öge | Ad                       | Miktar | Birim | Notlar |
|-----|--------------------------|--------|-------|--------|
| 1   | RG-ES205GC-P host        | 1      | Set   |        |
| 2   | Güç Adaptörü             | 1      | Adet  |        |
| 3   | Güç Kablosu              | 1      | Adet  |        |
| 4   | Hızlı Başlangıç Kılavuzu | 1      | Kopya |        |
| 5   | Garanti Kartı            | 1      | Kopya |        |

Ürün destekleyici dokümanlara <https://www.ruijienetworks.com> adresinden erişebilirsiniz. Support > Technical Documents (Destek > Teknik Dokümanlar) üzerine tıklayarak ihtiyacınız olan dokümanları karşıdan yükleyebilirsiniz.

## Kurulum ve Ağ Oluşturma

Anahtarı masa üzerine monte edin ve hava sirkülasyonu için yeterli alan ayırın.



## Ağ oluşturma

### Yöntem 1 (Tavsiye Edilen)

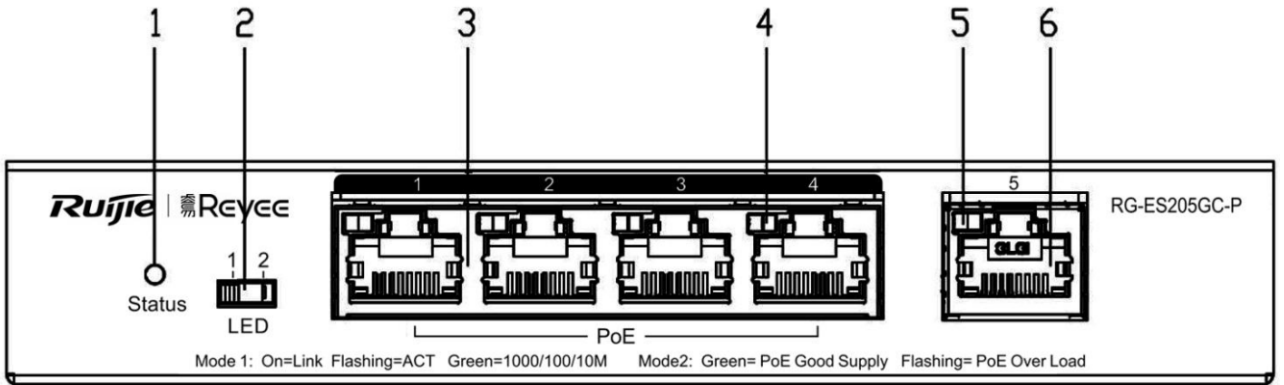
Uygulamayı karşıdan yüklemek için aygıt veya el kitabı üzerindeki Kare Kodu (QR-code) okutun. Ağ kurmak ve yapılandırmak için Uygulamada içerisindeki kılavuzu takip edin.



### Yöntem 2

Kabloyu aygıt bağlantı noktasına (port) takın ve yapılandırmayı gerçekleştirmek için <http://10.44.77.200> adresini ziyaret edin.

## Bağlantı Noktası (Port) Bilgileri



|      |                                                   |                                                       |
|------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Not: | 1. Sistem durum LED'i                             | 4. Bakır port durumu LED'i                            |
|      | 2. Bağlantı Noktası (port) Mod LED'i Açma Düğmesi | 5. Bakır port durumu LED'i                            |
|      | 3. 10/100/1000Base-T otomatik algılama Ethernet   | 6. 10/100/1000Base-T otomatik algılama Ethernet portu |

## Özellikler

| Özellikler                                 |          | RG-ES205GC-P                                                                      |
|--------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Standart                                   |          | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at     |
| Port (Bağlantı Noktası)                    |          | 4*10/100/1000Mbps PoE/PoE+ portu<br>1*10/100/1000 Mbps uplink portu               |
| Anahtarlama Kapasitesi                     |          | 10 Gbps                                                                           |
| Güç Tüketimi                               |          | PoE/PoE+ genel maksimum çıkış gücü 54W'dir.<br>Genel maksimum çıkış gücü 60W'dir. |
| Boyutlar (Genişlik x Derinlik x Yükseklik) |          | 148 mm x 78 mm x 26 mm                                                            |
| Çalışma Ortamı                             | Sıcaklık | 0 °C - 40 °C                                                                      |
|                                            | Nem      | %10 ila %90 Bağıl Nem, yoğuşmasız                                                 |
| Depolama Ortamı                            | Sıcaklık | -40 °C - 70 °C                                                                    |
|                                            | Nem      | %5 ila %95 Bağıl Nem, yoğuşmasız                                                  |

### CE Uyarısı:

Bu ekipmanın bir yerleşim bölgesinde çalıştırılması radyo girişimine neden olabilir.